

Số: **511**/QĐ-BNN-HTQT

Hà Nội, ngày **14** tháng 3 năm 2012

### **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v: Phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2012, dự án “Tăng cường năng lực quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam nhằm giảm nhẹ tác động và kiểm soát phát thải khí nhà kính” hợp phần Bộ NN&PTNT.**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 30/07/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 131/2006/NĐ-CP về ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 82/2007/TT-BTC ngày 12/07/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Văn bản số 2345/TTg-QHQT ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án;

Căn cứ Quyết định số 1904/QĐ-BNN-HTQT ngày 08/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án “Tăng cường năng lực quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam nhằm giảm nhẹ tác động và kiểm soát phát thải khí nhà kính” hợp phần Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường tại Tờ trình số 80/TTr-KHCN ngày 20/02/2012 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2012 của dự án; Ý kiến của Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai tại Văn bản số 38/GNTT ngày 02/3/2012; Ý kiến của Vụ Tài chính tại Văn bản số 61/TC ngày 01/3/2012; Ý kiến của Vụ Kế hoạch tại Văn bản số 69/KH-TL ngày 28/02/2012

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2012 dự án “Tăng cường năng lực quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam nhằm giảm nhẹ tác động và kiểm soát phát thải khí nhà kính” Hợp phần Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do UNDP tài trợ (phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Vụ: KH, TC;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Lưu VP, HTQT(NTD).



www.LuatVietnam.vn



**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012**

Quyết định số **511/QĐ-BNN-HTQT** ngày **14** tháng 3 năm 2012

Tên và mã số dự án: 00072434 - Nâng cao Năng lực Quốc gia ứng phó với Biến đổi Khí hậu Việt Nam, nhằm giảm nhẹ tác động và kiểm soát phát thải khí nhà kính

Cơ quan thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Đơn vị chịu trách nhiệm (hợp phần của Bộ NN&PTNT) - Vụ Quản lý và Phát triển Năng lực Môi trường

Tỷ giá UNDP tháng 2/2012:

20,928 VND/US

CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến					Ghi chú	
			Q1	Q2	Q3	Q4		Vốn	Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách	Nguồn Vốn	Số tiền (USD)		Thành tiền (VND)
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Những đầu ra tương ứng theo Kế hoạch Một Liên Hợp Quốc

OP2 Đầu ra 3.1: Nâng cao năng lực và hệ thống thể chế để thực hiện và giám sát về các chính sách và Luật môi trường và phát triển bền vững

OP2 Đầu ra 3.2: Xây dựng các chiến lược, chính sách, kế hoạch và quy định về bảo vệ môi trường với sự tham gia rộng rãi của người dân và các bên liên quan ở cấp cơ sở, phù hợp với các công ước quốc tế về môi trường

OP2 Đầu ra 5.2: Tăng cường hệ thống thể chế và qui trình nâng cao điều phối các hoạt động giảm thiểu nguy cơ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu từ cấp quốc gia đến các tỉnh

OP2 Đầu ra 5.3: Tăng cường năng lực quốc gia và địa phương nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai do khí hậu về xã hội, kinh tế và môi trường

**KẾT QUẢ 1:**

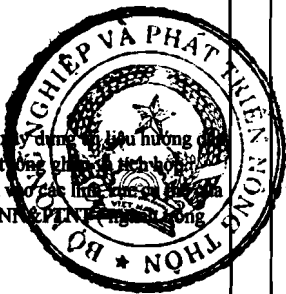
OP2 - Kết quả 3.1.2: Năng lực thể chế được củng cố để điều phối các nguồn tài trợ trong khung chương trình liên quan đến sử dụng bền vững các nguồn lực tự nhiên và bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong hỗ trợ giảm nghèo (ở cấp quốc gia)

OP 2 - Kết quả 3.2.1: Củng cố thiết lập các ưu tiên chiến lược, chính sách và các hướng dẫn quy định nhằm khuyến khích bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên bền vững, đặc biệt liên quan tới đa dạng hóa sinh kế, mại hóa và các công nghệ sạch (cấp quốc gia và địa phương)

**KẾT QUẢ 1. Các chính sách và Kế hoạch hành động được xây dựng và tích hợp Biến đổi khí hậu vào các chính sách/ chương trình phù hợp**

Đầu ra 1.1: Năng lực các bên thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia được tăng cường	Kết quả HĐ. Tăng cường năng lực điều phối như cơ quan đầu mối cho OCCA	Q1	Q2	Q3	Q4	MARD	04000	00012	75700	Đào tạo/Hội thảo/Hội nghị	TRAC	\$2,500	52,320,000	Tiếp theo 2011 (Diễn đàn thích ứng với BĐKH (hoàn) và hoạt động năm 2012)
<b>Chỉ số:</b> 1.1.1. Số lượng cán bộ VP BĐKH được đào tạo về kỹ năng quản lý & điều phối. 1.1.2. Xây dựng CSDL bao gồm (i) khung cấu trúc CSDL (ii) Phần mềm quản lý CSDL được phát triển, thử nghiệm & hoàn thiện (iii) CSDL được bổ xung, cập nhật và đưa lên Website (iv) cán bộ của OCCA được đào tạo để quản lý và sử dụng 1.1.3. Số lượng các cuộc họp điều phối được tổ chức. 1.1.4 Số lượng các lớp tập huấn được mở/ Số cán bộ được tập huấn. <b>Số liệu ban đầu:</b> 1.1.1. Cán bộ OCCA chưa đủ phương pháp và kỹ năng cần thiết. 1.1.2. Năm 2011 chỉ mới xây dựng được khung CSDL và phần mềm. 1.1.3. Điều phối các hoạt động ứng phó với BĐKH giữa các cơ quan	Hỗ trợ cán bộ văn phòng OCCA tham gia các khóa tập huấn/ hội thảo về phương pháp lập kế hoạch, xây dựng, quản lý, giám sát và đánh giá Dự án, các kỹ năng điều phối, thỏa thuận và chủ trì...	x				MARD	04000	00012	75700	Đào tạo/Hội thảo/Hội nghị	TRAC	\$2,500	52,320,000	Tiếp theo 2011 (Diễn đàn thích ứng với BĐKH (hoàn) và hoạt động năm 2012)
	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về BĐKH cho ngành NN & PTNT (tiếp theo năm 2011)	x	x	x		MARD	04000	00012	72100	Hợp đồng với đơn vị tư vấn	TRAC	\$12,400	259,507,200	Tiếp theo 2011

CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến							Ghi chú
			Q1	Q2	Q3	Q4		Vốn	Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách	Nguồn Vốn	Số tiền (USD)	Thành tiền (VND)		
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14
trong bộ NN còn tại yêu. 1.1.4. Cán bộ nên quan trọng ngành NN&PTNT còn thiếu kiến thức về đánh giá ảnh hưởng của BĐKH và lồng ghép BĐKH vào NN& PTNT. <b>Chỉ tiêu:</b> 1.1.1. Từ 4 -5 cán bộ của OCCA được đào tạo về phương pháp và kĩ năng cần thiết 1.1.2. Cơ sở dữ liệu về BĐKH với ngành NN được xây dựng , cập nhật và đưa lên OCCA website. 1.1.3. 4 cuộc họp điều phối được tổ chức. 1.1.4. Lớp đào tạo 2-3 ngày sẽ được mở ở địa phương xa Hà Nội Có ít nhất có 30-40 cán bộ của Bộ NN và các sở NN các tỉnh được đào tạo Tài liệu tập huấn chất lượng được biên soạn và các cán bộ có khả năng được huy động. <b>Điều kiện xác minh</b> 1.1.1 Bảng chứng nhận/ báo cáo của học viên; 1.1.2. Báo cáo và tư liệu của tư vấn 1.1.3. Biên bản và báo cáo của Hội thảo; 1.1.4. Báo cáo đánh giá khóa học		<b>Kết quả HĐ: Hỗ trợ tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong Bộ về BĐKH</b>													
	1.1.3	Tổ chức hội thảo điều phối chia sẻ thông tin về các hoạt động ứng phó với BĐKH giữa các cơ quan trong Bộ	x	x	x	x	MARD	04000	00012	75700	Đào tạo/Hội thảo/Hội nghị	TRAC	\$4,000	83,712,000	Do Văn phòng BĐKH chủ trì
	1.1.4	Tổ chức tập huấn cho các cán bộ liên quan thuộc các Cục, Vụ, Viện về: (i) Đánh giá tác động và xác định các biện pháp ứng phó với BĐKH; (ii) Lồng ghép BĐKH vào chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án ngành NN & PTNT		x	x	x	MARD	30000	00714	75700	Đào tạo/Hội thảo/Hội nghị	OPF	\$17,500	366,240,000	Giải pháp để khoá đào tạo hiệu quả: - Thời gian tập huấn phù hợp (2-3 ngày); - phương pháp tham gia/tích cực học tập; - Lớp đào tạo được tổ chức xa Hà Nội
<b>Đầu ra 1.3: Xây dựng các văn kiện chiến lược và các hướng dẫn thực hiện tích hợp BĐKH của Bộ NN&amp;PTNT</b>		<b>Kết quả HĐ: Hỗ trợ xây dựng chính sách, chiến lược và kế hoạch hành động của Bộ NN&amp;PTNN năm 2011-2015</b>													


CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến						Ghi chú		
			Q1	Q2	Q3	Q4		Vốn	Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách		Nguồn Vốn	Số tiền (USD)		Thành tiền (VND)	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	
<p><b>Chỉ số:</b> 1.3.1. Xây dựng hướng dẫn lồng ghép &amp; tích hợp BDKH vào ngành trồng trọt</p> <p>Số liệu ban đầu:</p> <p>1.3.1. Chỉ mới có khung hướng dẫn nguyên tắc &amp; các bước lồng ghép BDKH của Bộ NN&amp;MT.</p> <p>- Chỉ thị về lồng ghép BDKH của Bộ NN&amp;PTNT tháng 3/ 2011;</p> <p>- Chưa có hướng dẫn về lồng ghép BDKH cho lĩnh vực cụ thể của NN&amp; PTNT</p> <p>Chỉ tiêu;</p> <p>1.3.1. Hướng dẫn kỹ thuật về lồng ghép BDKH vào chiến lược phát triển, qui hoạch các chương trình và dự án ngành trồng trọt.</p> <p>Điều kiện xác minh;</p> <p>1.3.1. Báo cáo hướng dẫn và thực hiện của tư vấn.</p>	1.3.1	<p>Hỗ trợ xây dựng khung hướng dẫn kỹ thuật lồng ghép tích hợp BDKH vào các lĩnh vực trồng trọt ngành NN&amp;PTNT (trồng trọt)</p> 		x		x		MARD	30000	00714	71300	Hợp đồng với tư vấn cá nhân	OPF	\$30,000	627,840,000	
<p><b>Đầu ra 1.4:</b> Xây dựng kế hoạch hành động và hướng dẫn tích hợp BDKH vào các kế hoạch phát triển ngành NN giai đoạn 2011 – 2015 cho 3 tỉnh Dự án</p>		<p>Kết quả HĐ: Hỗ trợ xây dựng các kế hoạch hành động cấp tỉnh, hướng dẫn tích hợp BDKH vào kế hoạch phát triển ngành NN cho 3 tỉnh</p>														
<p><b>Chỉ số:</b> 1.4.1 &amp; 1.4.2. Xây dựng KHHD ứng phó với BDKH cho ngành NN tỉnh Bình Thuận và Bình Định;</p> <p>Số liệu ban đầu: 1.4.1 &amp; 1.4.2. Ngành NN&amp; PTNT tỉnh Bình Thuận và Bình Định chưa có KHHD UP với BDKH</p> <p>Chỉ Tiêu: 1.4.1 &amp; 1.4.2. KHHD ứng phó với BDKH cho ngành NN&amp; PTNT tỉnh Bình Thuận và Bình Định được xây dựng và đồng thuận.</p> <p>Điều kiện xác minh: 1.4.1 &amp; 1.4.2. Các báo cáo tiến độ thực hiện/KHHD được các sở NN&amp;PTNT đồng thuận</p>	1.4.1	Xây dựng KHHD ứng phó với BDKH trong NN&PTNT của tỉnh Bình Thuận	x	x			MARD	04000	00012	71300	Tư vấn trong nước	TRAC	\$5,000	104,640,000	Tiếp th 2011	
	1.4.2	Xây dựng KHHD ứng phó với BDKH trong NN&PTNT của tỉnh Bình Định	x	x			MARD	04000	00012	71300	Tư vấn trong nước	TRAC	\$5,000	104,640,000	Tiếp th 2011	
<b>Cộng kết quả 1</b>													\$76,400	1,598,899,200		
<p><b>KẾT QUẢ 2:</b></p> <p>OP2 - Kết quả 5.2.4: Nâng cao Năng lực thể chế và hệ thống, nhận thức lồng ghép các vấn đề BDKH vào việc hoạch định phát triển.</p> <p>OP2 - Kết quả 5.3.3: Nâng cao nhận thức/ truyền thông về các thảm họa, rủi ro BDKH và các biện pháp giảm nhẹ rủi ro hiệu quả tập trung vào các vùng dễ bị tổn thương nhất (cấp quốc gia và địa phương)</p>																

CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến					Ghi chú		
			Q1	Q2	Q3	Q4		Vốn	Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách	Nguồn Vốn	Số tiền (USD)		Thành tiền (VND)	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14
<b>KẾT QUẢ 2. Kiến thức và năng lực nghiên cứu về tính dễ bị tổn thương, khả năng ứng phó và đánh giá giảm phát thải khí nhà kính được củng cố</b>															
Đầu ra 2.2. Đánh giá tác động, rủi ro và tính dễ bị tổn thương trong các điều kiện, hình vực khác nhau ở VN		Kết quả HĐ. Nghiên cứu tác động của BĐKH và các biện pháp thích ứng: (tiếp nối HĐ 1.4.1.1, năm 2010)													
<b>Chỉ số :</b> - Các báo cáo về ảnh hưởng của BĐKH và các giải pháp thích ứng cho sáu bệnh hại cây trồng và ngành chăn nuôi Số liệu ban đầu: Chưa có báo cáo về ảnh hưởng của BĐKH đến (i)sâu bệnh hại cây trồng và(ii) ngành chăn nuôi ở Việt Nam <b>Chỉ tiêu:</b> - 01 báo cáo về ảnh hưởng của BĐKH đến sáu bệnh hại cây trồng; 01 báo cáo đến ngành chăn nuôi ở Việt Nam - 01 hội thảo chia sẻ thông tin và thông báo kết quả cho cán bộ các tỉnh <b>Điều kiện xác minh:</b> - Báo cáo đánh giá/ báo cáo tiến độ thực hiện của tư vấn.	2.2.1	(1) Đánh giá tác động BĐKH với sáu bệnh cây trồng nông nghiệp và (2) đánh giá tác động BĐKH với ngành chăn nuôi	x				MARD	04000	00012	72100	Hợp đồng với đơn vị tư vấn	TRAC	\$6,000	125,568,000	Tiếp theo năm 2011
Đầu ra 2.3. Các giải pháp ứng phó nhằm thích ứng với BĐKH và giảm phát thải KNK		Kết quả HĐ: Xác định và đề xuất các biện pháp giảm phát thải KNK trong Nông nghiệp.													

CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến					Ghi chú	
			Q2	Q3	Q4	Vốn		Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách	Nguồn Vốn	Số tiền (USD)	Thành tiền (VND)		
1		2				7	8	9	10	11		12	13	14
<p><b>Chỉ số:</b> 2.3.1. Đánh giá giảm phát thải KNK trong NN và PTNT (bao gồm (i) Tuyển chọn chuyên gia tư vấn đủ năng lực; (ii) Đề cương và kế hoạch nghiên cứu được chấp nhận; (iii) Hội thảo tham vấn (iv) Báo cáo dự thảo lần 1 được giao nộp và góp ý; (v) Báo cáo cuối cùng được giao nộp (vi) Hội thảo chia sẻ kết quả nghiên cứu).</p> <p><b>Chỉ số ban đầu:</b> 2.3.1. Thiếu nghiên cứu về phát thải KNK trong NN và PTNT là cơ sở để cắt giảm, qui hoạch và thực hiện giảm phát thải</p> <p><b>Chỉ tiêu:</b> 2.3.1. Báo cáo nghiên cứu bao gồm đường cơ sở, mục tiêu khả thi và các biện pháp tiềm năng làm tiêu chí đề xuất chính sách giảm phát thải KNK trong NN và PTNT</p> <p><b>Điều kiện xác minh:</b> 2.3.1. Báo cáo đánh giá của tư vấn</p>	2.3.1	Đánh giá giảm phát thải KNK trong NN và PTNT.	x	x	x	MARD	04000	00012	72100	Hợp đồng với đơn vị tư vấn	TRAC	\$50,000	1,046,400,000	Tiếp theo năm 2011
Đầu ra 2.4. Năng lực nghiên cứu của MARD được tăng cường		Kết quả HĐ. Tăng cường năng lực nghiên cứu về BĐKH trong NN&PTNT												

CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chấp hành nhiệm vụ	Ngân sách dự kiến					Ghi chú		
			Q1	Q2	Q3	Q4		Vốn	Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách	Nguồn Vốn	Số tiền (USD)		Thành tiền (VND)	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14
<p><b>Chỉ số:</b> 2.4.1. Đánh giá thực trạng, xây dựng chương trình tăng cường năng lực nghiên cứu về ĐĐKH cho Bộ NN và PTNT bao gồm (i) Tuyển chọn nhóm chuyên gia tư vấn đủ năng lực; (ii) Đánh giá thực trạng nhu cầu tăng cường năng lực nghiên cứu của Bộ NN&amp;PTNT về ĐĐKH; (iii) Hội thảo tham vấn được tổ chức; (iv) chương trình tăng cường năng lực nghiên cứu được xây dựng và đề xuất cho Bộ NN&amp;PTNT để thực hiện.</p> <p><b>Số liệu ban đầu</b> 2.4.1. Có rất ít các nghiên cứu của MARD về ĐĐKH có cơ sở khoa học để xây dựng KHHD, chiến lược và chương trình ứng phó với ĐĐKH; Năng lực nghiên cứu của MARD về ĐĐKH còn yếu</p> <p><b>Chỉ tiêu:</b> 2.4.1. Báo cáo đánh giá thực trạng và nhu cầu tăng cường năng lực nghiên cứu của Bộ NN và PTNT về ĐĐKH. - Chương trình tăng cường năng lực nghiên cứu cho Bộ NN và PTNT về ĐĐKH được xây dựng</p> <p><b>Điều kiện xác minh:</b> 2.4.1 Báo cáo đánh giá nhu cầu chương trình tăng cường năng lực nghiên cứu của MARD về ĐĐKH;</p>	2.4.1	Đánh giá thực trạng, xây dựng chương trình tăng cường năng lực nghiên cứu về ĐĐKH trong nông nghiệp và PTNT (bao gồm thực trạng về nội dung, phương pháp luận, năng lực nghiên cứu, tài chính, kết quả và chất lượng nghiên cứu, vv	x	x	x		MARD	30000	10714	72100	Hợp đồng với đơn vị tư vấn	OPF	\$20,000	418,560,000	
Đầu ra 2.5 Nhận thức và vận động		Kết quả HD: Hỗ trợ tuyên truyền nhận thức và vận động cộng đồng													



CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến						Ghi chú	
			Q1	Q2	Q3	Q4		Vốn	Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách		Nguồn Vốn	Số tiền (USD)		Thành tiền (VND)
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14
<b>Chỉ số:</b> 2.5.1. Xây dựng chương trình truyền thông phát trên Truyền hình (VTV1, VTV2) phổ biến kết quả dự án hợp phần MARD <b>Số liệu ban đầu:</b> 2.5.1. Kết quả của dự án chưa được áp dụng rộng rãi và chưa được nhiều người biết <b>Chỉ tiêu:</b> 2.5.1. Đoạn phim video dài 30 phút về kết quả dự án hợp phần MARD được phát 2-3 lần trên kênh VTV1 và VTV2 <b>Điều kiện xác minh:</b> 2.5.1. Đoạn phim video, chương trình ti vi và báo cáo thực hiện của tư vấn	2.5.1	 Xây dựng chương trình truyền thông phát trên Truyền hình (VTV1, VTV2) phổ biến kết quả dự án (hợp phần MARD) hoạt động được thực hiện ở Trung ương và các tỉnh dự án. (Thời lượng 30 phút)			x		MARD	30000	10714	72100	Hợp đồng với đơn vị tư vấn	OPF	\$15,000	313,920,000	
<b>Cộng kết quả 2</b>													\$91,000	1,904,448,000	
<b>KẾT QUẢ 3:</b> <i>OP2 - kết quả 5.3.2: năng lực các bên tham gia ở cấp TW, Tỉnh, huyện và xã ở các cùng trọng điểm được nâng cao: đánh giá rủi ro và tính dễ bị tổn thương, đánh giá nhanh, kiểm tra, giám sát và lập kế hoạch về giảm nhẹ rủi ro, chuẩn bị ứng phó</i>															
<b>KẾT QUẢ 3. Năng lực xây dựng chính sách và thực hiện các biện pháp ứng phó với Biến đổi Khí hậu và kiểm soát phát thải khí nhà kính được củng cố</b>															
<b>Đầu ra 3.1 Các giải pháp chính sách và đầu tư thích ứng với BĐKH được xác định và thực hiện</b>		<b>Kết quả HĐ. Xây dựng các văn bản pháp quy nhằm nâng cao khả năng thích ứng cho ngành NN&amp;PTNT</b>													
<b>Chỉ số:</b> 3.1.1. Xác định và xây dựng các tiêu chí rủi ro trong NN dưới tác động của BĐKH 3.1.2. Xây dựng khung chính sách bảo hiểm rủi ro khí hậu trong nông nghiệp & PTNT. 3.1.3 Xây dựng các dự án ưu tiên thực hiện Đề án giảm phát thải KNK <b>Số liệu ban đầu</b> 3.1.1. Chưa có tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu		3.1.1	Xác định và xây dựng các tiêu chí rủi ro trong NN và PTNT dưới tác động của BĐKH	x			MARD	04000	00012	72100	Hợp đồng với đơn vị tư vấn	TRAC	\$3,000	62,784,000	Tiếp th năm 20
		3.1.2	Xây dựng đề xuất chính sách bảo hiểm liên quan đến BĐKH trong nông nghiệp và PTNT	x			MARD	04000	00012	72100	Hợp đồng với đơn vị tư vấn	TRAC	\$1,500	31,392,000	Tiếp th năm 20
			<b>Kết quả HĐ. Thiết kế các dự án đầu tư thích ứng với BĐKH cho ngành NN&amp;PTNT</b>												

CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến					Ghi chú		
			Q1	Q2	Q3	Q4		Vốn	Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách	Nguồn Vốn	Số tiền (USD)		Thành tiền (VND)	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
trong NN 3.1.2. Các điểm thực hiện bảo hiểm rủi ro trong NN ở 21 tỉnh (theo chỉ đạo của chính phủ) chưa tính tới rủi ro do BĐKH 3.1.3. Đề án giảm phát thải KNK trong NN trong nông nghiệp và PTNT đến năm 2020 đã được Bộ NN & PTNT thông qua ngày 16/12/2011 theo Quyết định số 3119; - Danh mục các dự án để thực hiện Đề án giảm phát thải KNK trong NN. Chỉ tiêu: 3.1.1. Bộ tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu 3.1.2. Xây dựng chính sách bảo hiểm rủi ro khí hậu trong nông nghiệp & PTNT 3.1.3. Có ít nhất 2-3 dự án được xây dựng để thực hiện Đề án giảm phát thải KNK trong NN. Điều kiện xác minh: 3.1.1 báo cáo tiến độ thực hiện của tư vấn/ tiêu chí đánh giá rủi ro do BĐKH; 3.1.2. báo cáo tiến độ thực hiện của tư vấn/ chính sách bảo hiểm rủi ro do BĐKH 3.1.3. Các đề xuất dự án và báo cáo thực hiện của tư vấn.	3.1.3	Hỗ trợ xây dựng các dự án đầu tư ưu tiên để thực hiện Đề án giảm phát thải KNK trong nông nghiệp và PTNT đến năm 2020 đã được Bộ NN & PTNT thông qua ngày 16/12/2011 theo Quyết định số 3119					MARD	30000	10714	71300	Hợp đồng với đơn vị tư vấn	OPF	\$8,548	178,892,544	
<b>Cộng Kết quả 3</b>													\$13,048	273,068,544	
<b>Quản lý phí</b>								30000	10714	75100	F&A	OPF	\$6,452	135,027,456	
<b>4. Quản lý dự án và hỗ trợ kĩ thuật dài hạn</b>															
<b>4.2 Quản lý dự án</b>	<b>HĐ.</b>	<b>Quản lý dự án - Hợp phần MARD</b>													
		Cố vấn kĩ thuật (Theo các hoạt động cụ thể)	x	x	x	x	MARD	04000	00012	71300	Tư vấn trong nước	TRAC	\$18,684	391,018,752	
		Điều phối viên dự án kiêm phiên dịch	x	x	x	x	MARD	04000	00012	71400	Hợp đồng cá nhân	TRAC	\$15,048	314,924,544	
		Kế toán kiểm hành chính	x	x	x	x	MARD	04000	00012	71400	Hợp đồng cá nhân	TRAC	\$12,204	255,405,312	
		Đi lại/công tác phí	x	x	x	x	MARD	30000	70714	71600	Đi lại	OPF	\$2,500	52,320,000	
		Văn phòng phẩm	x	x	x	x	MARD	04000	00012	72500	Nhà cung cấp	TRAC	\$2,000	41,856,000	

CÁC KẾT QUẢ, CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU MONG ĐỢI	Mã số hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến					Ghi chú	
			Q1	Q2	Q3	Q4		Vốn	Nhà tài trợ	Mô tả dòng ngân sách	Nguồn Vốn	Số tiền (USD)		Thành tiền (VND)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
		Chi phí văn phòng				MARD	04000	00012	74500	Chi phí khác	TRAC	\$2,000	41,856,000	
		Kiểm toán				UNDP	04000	00012	74100	Dịch vụ chuyên môn	TRAC	\$2,000	41,856,000	
<b>Cộng Kết quả 4</b>												<b>\$54,436</b>	<b>1,139,236,800</b>	
<b>Tổng cộng</b>												<b>\$241,336</b>	<b>5,050,679,808</b>	
<b>Làm tròn số</b>													<b>5,050,680,000</b>	

Bảng chữ: Năm triệu không trăm năm m uoi ngàn sáu trăm tám mươi ngàn

www.LuatVietnam.vn